

Bản án số: 28/2017/HSST
Ngày 21/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Trọng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Lê Khải.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên TAND huyện Krông Nô.

Đại diện VKSND huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở UBND xã Đắk Nang, huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2017/LTST-HS, ngày 29 tháng 8 năm 2017 đối với:

1. Bị cáo: Lê Hùng C, sinh năm 1989 tại tỉnh Đắk Nông; trú tại: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; con ông Lê Văn H, sinh năm 1966 và con bà Huỳnh Thị Thu T sinh năm 1968; vợ: Lang Thị O, sinh năm 1989 và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án: 02 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” và “Trộm cắp tài sản”, Tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2017, hiện đang bị tạm gia tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Nô – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979 tại Nam Định; trú tại: Thôn R, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; tiền án: 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 13/12/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/10/2008. Ngày 02/12/2011 bị Tòa án nhân dân Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong ngày 22/01/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2017, hiện đang bị tạm gia tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Nô.– Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Người bị hại:

3.1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1958; (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 1, thị trấn ĐM, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Dương Đức T, sinh năm 1990; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

4.2. Bà Lê Thị Thúy A, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 18/4/2017, Lê Hùng C đang điều khiển xe máy từ xã Đắk Sôr về nhà C ở thôn P, xã Q, huyện K, thì nhận được Đ thoại của Nguyễn Văn Đ (là bạn C) đang trên đường đi xe buýt từ thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về huyện K. Đ có hỏi mượn tiền và nhờ C chở Đ từ thị trấn ĐM về nhà tại xã N. Do biết Đ đang đi xe buýt trên đường từ thành phố Buôn Ma Thuột về huyện K, nên C hẹn đón Đ tại trạm xe buýt khu vực ngã ba trục 9, xã NĐ, huyện K.

Khoảng 10 phút sau, Đ xuống xe buýt, thì C chở Đ về hướng thị trấn ĐM, C chở Đ vào nhà bác ruột là ông Lê Văn T (trú tại tổ 1, thị trấn ĐM) để mượn tiền. Khi đến trước nhà ông T, thấy không có ai ở nhà, cửa cổng không đóng, chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade màu đỏ đen, BKS 48C1 – 160.56 của ông T dựng ngoài sân, nên C cùng Đ đi vào trong sân, C kéo cửa chính thấy cửa bung ra rồi cả hai đi vào trong nhà lục tìm tài sản. C lục tìm trong các ngăn tủ thờ đặt tại phòng khách, thì phát hiện chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell liền cầm lấy. C mở cửa phòng ngủ, thì thấy cửa bị khoá nên đi tìm chìa khoá. C biết ông T thường để chìa khoá trên chiếc bình gỗ ở phòng khách nên đến lấy chìa khoá. Khi lấy chìa khoá, ngoài chìa khoá cửa phòng, C còn thấy chìa khoá xe mô tô của ông T. C đưa chìa khoá xe mô tô cho Đ, Đ cầm chìa khoá xe rồi lấy xe nổ máy điều khiển xe chạy về hướng huyện Đ, theo đường tỉnh lộ 3. C mở phòng ngủ của vợ chồng ông T để tìm tài sản và phát hiện chiếc máy tính bản nhãn hiệu ipad để trên giường ngủ liền cầm lấy cùng với chiếc máy tính xách tay và chạy đuổi theo Đ nhưng không thấy Đ đâu. C gọi Đ thoại cho Đ để hỏi, thì Đ trả lời đã đi đến xã S, huyện Đ nên C mang chiếc máy tính xách tay và máy tính bảng đến tiệm điện thoại Đức Tuân ở trung tâm xã Q do anh Dương Đức T làm chủ để bán. Tuy nhiên do chiếc máy tính xách tay bị hỏng, máy tính bảng bị khoá tài khoản icloud nên anh T không mua. C gửi anh T sửa chiếc máy tính xách tay và máy tính bảng, nhưng anh T không sửa được và để lại ở tiệm.

Khoảng 16 giờ ngày 18/4/2017, bà Nguyễn Thị L đi làm về, phát hiện bị mất tài sản nên đã báo cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K. Sau khi bị mất tài sản, bà nghi ngờ Lê Hùng C đã lấy, nên đã gọi Đ cho C để xin lại, vì trong máy tính có nhiều tài liệu quan trọng. C sau đó đã gọi Đ cho em gái là Lê Thị Thúy A (SN 1993, trú tại thôn Đắk Thành, xã Đắk Sôr) đến tiệm điện thoại Đức Tuân để lấy máy tính mang về trả cho bà L.

Ngày 17/5/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện K đã khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với Lê Hùng C, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đối với Nguyễn Văn Đ, sau khi lấy chiếc xe từ nhà ông T, Đ điều khiển xe chạy đi theo đường tỉnh lộ 3, qua huyện Đ để xuống Thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường đi, Đ dừng xe bên đường nơi vắng người tháo biển số xe và 01 gương chiếu hậu của xe vứt đi để tránh bị phát hiện. Trong khi sinh sống và làm thuê nhiều nơi ở Thành phố Hồ Chí Minh, được gia đình động viên, ngày 11/7/2017 Đ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện K đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12 ngày 17/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện K xác định: Máy tính bảng hiệu Ipad giá trị 1.000.000 đồng; Máy tính xách tay hiệu Dell giá trị 7.500.000 đồng; Xe mô tô hiệu Honda Blade không biển kiểm soát, có số máy JA36E0240203, số khung 3616EY130408 giá trị 18.810.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm ngày 18/4/2017 có giá trị 27.310.000 đồng.

Trong quá trình điều tra người bị hại đã nhận lại được tài do các bị cáo trộm cắp nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Cáo trạng số 26/CTr-VKS, ngày 29/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và bị cáo Lê Hùng C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này anh Dương Đức Tuân được bị cáo Lê Hùng C nhờ mở khóa máy tính bảng, mua cục sạc pin máy tính, chị Lê Thị Thúy A được bị cáo Lê Hùng C nhờ mang những tài sản trên về trả cho người bị hại. Tuy nhiên, tại thời điểm được nhờ anh T và chị Thúy A không biết đó là những tài sản do bị cáo C phạm tội mà có nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hùng C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 18 tháng đến 24 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hùng C từ 12 tháng đến 14 tháng tù giam.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 24/QĐXLVC ngày 07/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K trả lại 01 máy tính bảng, 01 máy tính xách tay, 01 xe mô tô cho các chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T.

- Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lợi dụng sự thiếu thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Lê Hùng C đã lén lút chiếm đoạt 01 máy tính bảng hiệu Ipad, 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS 48C1 – 160.56, có số máy JA36E0240203, số khung 3616EY130408, các tài sản có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 27.310.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội khi đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Lê Hùng C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, không oan.

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a)

c) Tái phạm nguy hiểm;”

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra:

3.1. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Ngoài ra, các bị cáo đều có nhân thân xấu, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

3.2. Giữa các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội không có sự phân công trách nhiệm, không có sự cấu kết chặt chẽ nên hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, vai trò trong vụ án là như nhau. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội thuộc trường hợp đã tái

phạm nhưng chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do lỗi cố ý nên cần xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức hình phạt cao hơn bị cáo Lê Hùng C.

3.3. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Hùng C phạm tội khi đã có 02 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Trộm cắp tài sản”, do đó hành vi phạm tội của bị cáo C thuộc trường hợp “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

3.4. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, người bị hại đã có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn Đ sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tự nguyện khắc phục sửa chữa tài sản đã trộm cắp và bồi thường thiệt hại cho người bị hại nên bị cáo Nguyễn Văn Đ còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 máy tính bảng hiệu Ipad, 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS 48C1 – 160.56, có số máy JA36E0240203, số khung 3616EY130408 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị L. Theo quy định tại Điều 42 Bộ luật hình sự, căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự xét thấy việc trả lại tài sản là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Wave (không rõ biển kiểm soát) bị cáo C sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản, bị cáo C đã cầm cố cho đối tượng tên Bổng trú tại xã T, huyện K. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được nên không có căn cứ xử lý.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hùng C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 năm 06 tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 11/7/2017.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 138 điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hùng C 01 năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/5/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự. Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 24/QĐXLVC ngày 07/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô trả lại 01 máy tính bảng hiệu Ipad, 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS 48C1 – 160.56, có số máy JA36E0240203, số khung 3616EY130408 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị L.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hùng C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở TP tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện K (02 bản);
- Công an huyện K;
- Bộ phận HSNVCS (CA huyện);
- THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Quách Trọng Sơn